

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2017/DS-PT
Ngày: 14/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Lê Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2017/TLPT-DS, ngày 15/8/2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 224/2017/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: số 132/15, đường V, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: tổ 1, ấp 1, xã M2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C, sinh năm 1940; địa chỉ: ấp 1, xã M2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn C: Ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965; địa chỉ: số 249, ấp N, xã N1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Theo Quyết định kháng nghị số 08/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L là bị đơn.

Ông Đ và ông V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Ngọc H trình bày:

Vợ chồng chị L, anh T và chị H có chơi hụi với nhau, sau khi tổng kết thì chị L và anh T còn nợ chị H số tiền hụi tổng cộng là 77.140.000 đồng. Chị L trả cho chị H được 30.000.000 đồng thông qua anh H1 (chủ quán 007, phường 1, thành phố C trả 30.000.000 đồng) đưa cho chị H. Như vậy, chị L, anh T còn nợ tiền hụi của chị H là 47.140.000 đồng.

Ngoài ra vợ chồng chị L, anh T còn vay của chị H 03 lần tổng cộng là 139.000.000 đồng, thỏa thuận miệng trả nợ lãi 6%/tháng, mục đích vay vốn kinh doanh, thời hạn vay là khi nào chị H cần thì báo trước cho chị L 01 tháng.

Sau khi hai bên tổng kết các khoản thì thống nhất tiền vay, hụi và lãi như sau:

+ Nợ vay 189.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc 180.000.000 đồng + nợ lãi 9.000.000 đồng.

+ Nợ hụi 100.840.000 đồng, trong đó: 47.140.000 đồng (nợ hụi) + 41.700.000 đồng (nợ lãi) + 12.000.000 đồng (nợ lãi).

Tổng cộng 02 khoản là 289.840.000 đồng.

Nay chị H yêu cầu chị L và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền tổng cộng là 289.840.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 07/5/2015 đến ngày 28/12/2015 là 16.738.260 đồng. Tổng cộng nợ hụi, nợ vay và lãi tính đến ngày khởi kiện là 306.578.260 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 28/12/2015 đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 12/10/2016 và ngày 20/12/2016 chị Huỳnh Ngọc H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn T và ông Trần Văn C có nghĩa vụ trả thêm số tiền vay 175.000.000 đồng có làm biên nhận.

Tại các lần hòa giải nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị L, anh Trần Văn T và ông Trần Văn C trả số tiền còn thiếu tổng cộng là 481.578.000 đồng.

Ngày 30/5/2017, nguyên đơn Huỳnh Ngọc H có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu Nguyễn Thị L, Trần Văn T trả số nợ hụi còn thiếu là 17.140.000 đồng và lãi 2.914.000 đồng (lãi từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/5/2017)

+ Yêu cầu Nguyễn Thị L, Trần Văn T và Trần Văn C trả số nợ vay còn thiếu là 175.000.000 đồng và lãi 29.750.000 đồng (lãi từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/5/2017).

Tổng cộng 02 khoản là 224.804.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện cho nguyên đơn có yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu Nguyễn Thị L, Trần Văn T trả số nợ hui còn thiếu là 17.140.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

+ Yêu cầu Nguyễn Thị L, Trần Văn T và Trần Văn C trả số nợ vay còn thiếu là 175.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật là 0,75%/tháng kể từ ngày 28/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn Nguyễn Thị L và Trần Văn T trình bày:

Về phần nợ hui thì chị L và anh T đồng ý có nợ chị H số tiền 77.140.000 đồng, sau đó có trả được 02 lần với số tiền 60.000.000 đồng (trong đó có 01 lần anh T đem trả cho chị H) nên còn nợ tiền hui của chị H là 17.140.000 đồng.

Về tiền vay: Vợ chồng chị L và anh T không có vay của chị H số tiền là 189.000.000 đồng. Nếu chị H cho rằng vợ chồng chị L và anh T có nợ thì phải có biên nhận nợ hoặc hợp đồng vay để chứng minh.

Đối với biên nhận nợ 175.000.000 đồng do chị H cung cấp có chữ ký của ông C (cha chồng chị L) và chị L, chị L không thừa nhận có vay của chị H số tiền vay thể hiện trong biên nhận này và không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận là của chị L và ông C. Nếu giám định kết quả mẫu chữ ký và chữ viết phù hợp với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại các lần hòa giải chị L và anh T không thống nhất với yêu cầu của chị H vì chị L, anh T không có vay, không nhận các khoản tiền vay và cũng không có làm các biên nhận nợ vay hay các giấy tờ nào khác liên quan đến việc vay tiền với chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thống nhất trả cho nguyên đơn như sau:

+ Nguyễn Thị L và Trần Văn T đồng ý trả cho Huỳnh Ngọc H số tiền hui còn thiếu là 17.140.000 đồng.

+ Bị đơn Nguyễn Thị L đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 175.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với bị đơn Trần Văn T không đồng ý liên đới trả nợ vì cho rằng số tiền trên anh không có vay và cũng không biết việc vay mượn này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Văn C trình bày:

Ông không thừa nhận có ký hay viết vào bất cứ biên nhận nợ nào giữa chị H và chị L, không thừa nhận chữ ký trong biên nhận 175.000.000 đồng là do ông ký tên.

Nay ông không đồng ý liên đới cùng chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T trả nợ cho chị Huỳnh Ngọc H.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Huỳnh Ngọc H.

Buộc Nguyễn Thị L và Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Ngọc H số tiền như sau:

+ Chị Nguyễn Thị L và Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Ngọc H số tiền hui còn thiếu là 17.140.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị L và Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Ngọc H số tiền vay còn thiếu là 175.000.000 đồng, tiền lãi là 23.887.500 đồng.

Tổng cộng các khoản phải trả là 216.027.500 đồng (hai trăm mười sáu triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Ngọc H đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T trả số tiền 289.438.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí và các tài liệu liên quan nếu nguyên đơn có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 14/7/2017, ông Trần Văn T kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà Nguyễn Thị L trả số nợ 175 triệu đồng; bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án về phần tiền lãi.

- Ngày 02/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T, không buộc anh T có trách nhiệm liên đới trả 175 triệu đồng cho bà H, và chấp nhận kháng cáo của bà L điều chỉnh lại phần tiền lãi.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà L và kháng nghị của Viện kiểm sát Tỉnh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị và kháng cáo của ông T và bà L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông T không liên đới trả nợ cùng bà L và điều chỉnh về thời gian tính lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do vợ chồng bà L, ông T có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi. Sau khi tổng kết thì vợ chồng bà L và ông T còn nợ lại bà H số tiền 77.140.000 đồng, đã trả được 30 triệu đồng, còn lại 47.140.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng bà L và ông T còn vay tiền của bà H tổng cộng 3 lần là 139 triệu đồng. Sau khi tính toán các khoản nợ vay, nợ hụi và tiền lãi. Bà H yêu cầu vợ chồng bà L, ông T và ông Trần Văn C là cha chồng bà L có trách nhiệm trả cho bà H tổng số tiền là 306.578.260 đồng và tính lãi từ ngày 28/12/2015 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Ngày 12/10/2016, bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà L, ông T, ông C phải trả thêm cho bà số tiền vay là 175 triệu đồng, cộng với số tiền nợ 306.578.260 đồng, tổng cộng là 481.578.260 đồng và tính lãi kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 20/10/2016) đến ngày giải quyết xong vụ án.

Đến ngày 30/5/2017, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L và ông T phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 17.140.000đ, tiền lãi 2.914.000 đồng và số tiền vay 175 triệu đồng tổng cộng 224.804.000đ và tính lãi từ ngày 28/12/2017 đến khi trả xong nợ.

[2] Những nội dung thỏa thuận được giữa các đương sự:

Theo yêu cầu của bà H thì bà L và ông T đồng ý trả số tiền nợ hụi 17.140.000đ, nhưng không đồng ý trả lãi đối với số tiền nợ hụi.

Đối với số tiền vay 175 triệu đồng và tiền lãi bà L đồng ý trả nhưng không T không đồng ý liên đới cùng bà L trả số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà L, ông T thỏa thuận thống nhất với nhau trả số tiền nợ hụi 17.140.000 đồng và không tính lãi. Đối với số tiền vay thì bà L đồng ý trả 175 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/12/2015 với lãi suất 0.75% tháng theo như yêu cầu nguyên đơn, riêng ông T thì không đồng ý liên đới cùng bà L trả số tiền vay này.

[3] Nội dung kháng nghị và kháng cáo của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị L:

Tại bản án sơ thẩm tuyên xử buộc ông T và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ hui, tiền vay và tiền lãi tính từ ngày 28/12/2015 tổng cộng là 216.027.500đ.

Sau khi xét xử, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị với nội dung:

Việc vay số tiền 175 triệu đồng là do bà L vay, ông T không hay biết và không có ký tên vào biên nhận, số tiền vay của bà L không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu gia đình nên ông T không có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ.

Về thời gian tính lãi, tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/10/2016, bà H yêu cầu trả số tiền tổng cộng 481.578.260đ (trong đó yêu cầu trả thêm 175 triệu đồng), và yêu cầu tính lãi kể từ ngày nộp đơn khởi kiện bổ sung. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tính lãi từ ngày 28/5/2015 là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, vượt quá thẩm quyền giải quyết, nên Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp kháng nghị yêu cầu sửa án với nội dung không buộc ông T liên đới trả nợ vay và tính lại thời gian tính lãi.

Ông T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà L số tiền 175 triệu đồng và tiền lãi.

Đối với bà L kháng cáo không đồng ý trả số tiền lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu xem điều chỉnh lại thời gian tính lãi.

Theo hồ sơ thể hiện bà H cho bà L vay tiền tại nhà của ông T, nhưng ông T không ký biên nhận. Tại biên bản làm việc ngày 20/6/2017, bà L và ông T khai vợ chồng ông bà hiện sống chung với ba mẹ nên mọi chi phí sinh hoạt đều do cha mẹ chồng bà L lo. Việc vay tiền của bà L là để trả nợ riêng của bà, ông T không hay biết. Do bà L mắc nợ nhiều người nên bà L và ông T không sử dụng tiền chung. Khi bà H khởi kiện đòi số tiền vay 175 triệu đồng đến ra phiên tòa ông T mới biết. Trước đây, ông T có đến trả số tiền 30 triệu đồng là tiền nợ hui, được bà H thừa nhận chứ không phải tiền vay. Bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc vay tiền của bà L là sử dụng chung vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên ông T không có trách nhiệm liên đới trả nợ với số tiền vay 175 triệu đồng và tiền lãi cùng bà L. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của ông T là có căn cứ để chấp nhận.

Về nội dung kháng nghị ngày tính lãi, xét thấy tại đơn khởi kiện bổ sung bà H yêu cầu bà L trả số tiền 481.578.260đ và tính lãi kể từ ngày nộp đơn khởi kiện bổ sung. Nhưng sau đó bà L rút yêu cầu này, chỉ yêu cầu bà L, ông T trả số tiền tổng cộng 224.804.000đ và tính lãi từ ngày 28/12/2015 đến khi trả xong nợ.

Việc trước đây bà H yêu cầu tính lãi kể từ này nộp đơn khởi kiện bổ sung, nhưng sau đó đã rút lại yêu cầu này mà vẫn yêu cầu tính lãi từ ngày 28/12/2015. Hơn nữa việc tính lãi từ ngày 28/12/2015 thì số tiền bà L phải trả không vượt quá số tiền yêu cầu của bà H, nên quyền lợi của bà L không bị ảnh hưởng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L cũng đồng ý tính lãi từ ngày 28/12/2015, nên Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày nay là phù hợp, tôn trọng sự thỏa thuận của đương sự. Do đó, nội dung kháng nghị về ngày tính lãi của Viện kiểm sát tỉnh và kháng cáo của bà L là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những nội dung phân tích trên, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có một phần căn cứ để chấp nhận và kháng cáo của ông Trần Văn T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần của bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông T, bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T phải trả cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền hụi còn thiếu là 17.140.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền vay còn thiếu là 175.000.000 đồng, tiền lãi là 23.887.500 đồng, tổng cộng là 198.887.5000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc H đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T trả số tiền 289.438.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc H được nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.100.000 đồng theo các biên lai thu số 039992 ngày 01/02/2016; 08028 ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn T phải nộp 857.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 9.944.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị L không phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 16942, 16943 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí giám định:

Bà Huỳnh Ngọc H phải chịu chi phí giám định là 4.820.000 đồng, bà H đã tạm ứng và chi xong.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu chi phí giám định là 2.025.000 đồng. Do bà Huỳnh Ngọc H đã tạm ứng và chi xong nên buộc bà Nguyễn Thị L để trả lại cho bà Huỳnh Ngọc H số tiền 2.025.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh DT;
- TAND Tp C;
- CCTHADS Tp C;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSA, (Y).

Huỳnh Thanh Mỹ

